

Hải Phòng, ngày 6 tháng 5 năm 2014

Số: 278/QĐ-YDHP

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Đề cương chi tiết và
Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ Quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Căn cứ Thông tư số 09/2009/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 5 năm 2009 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân .

Căn cứ quyết định 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế ban hành quy chế đào tạo Bác sỹ chuyên khoa cấp 1 ngành Y.

Xét đề nghị của các ông Trưởng phòng Đào tạo sau Đại học, Trưởng Bộ môn liên quan

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Đề cương chi tiết và Chương trình đào tạo Chuyên khoa cấp 1 Y tế công cộng, Mã số: 607276.CK

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (Bà) Trưởng phòng: Đào tạo sau đại học, Trưởng Bộ môn Y tế công cộng và các bộ môn liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GDĐT (để b/c)
- Lưu ĐTSĐH;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ Y TẾ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

**CHƯƠNG TRÌNH
CHUYÊN KHOA CẤP I**

Chuyên ngành: Y TẾ CÔNG CỘNG

Mã số: 60.72.76 CK

Hải Phòng 2014

I. Cơ sở xây dựng chương trình:

Chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y tế công cộng xây dựng trên cơ sở pháp lý của các văn bản sau đây:

1 - Luật giáo dục được Quốc Hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá X thông qua ngày 27/06/2005.

2 - Nghị định số 75/2006/NĐ - CP ngày 02/08/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật giáo dục.

3 - Quyết định số 1636/QĐ - BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học.

4 - Chỉ thị 06 - CT/T của ban bí thư Trung ương Đảng ngày 22/01/2002 về việc củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở.

5 - Biên bản thông qua chương trình đào tạo chuyên khoa cấp I chuyên ngành Y tế công cộng của Hội đồng khoa học trường Đại học Y Hải Phòng do Chủ tịch Hội đồng ký.

GIỚI THIỆU CHUNG

I-NHU CẦU ĐÀO TẠO

1.1.Vai trò của việc đào tạo y tế công cộng ở Việt Nam:

Y tế công cộng (YTCC) ở Việt Nam có thể được xem là sự đáp ứng của xã hội để cải thiện sức khoẻ nhân dân. Năm 1995, hội thảo về những thách thức mới cho YTCC do tổ chức y tế thế giới triệu tập vào tháng 11 đã đưa ra định nghĩa: “YTCC là những nỗ lực có tổ chức của xã hội để phát triển những chính sách công cộng về sức khoẻ để tăng cường sức khoẻ, để phòng bệnh và để cổ vũ sự công bằng xã hội trong khuôn khổ phát triển bền vững”. Định nghĩa này ngày càng được phổ biến và chấp nhận để định hướng cho sự phát triển YTCC trong giai đoạn mới. Vì vậy, đào tạo YTCC phải nhằm tạo ra những cán bộ có khả năng xác định những thách thức cơ bản đối với sức khoẻ của đất nước, bao gồm việc thực hành chăm sóc sức khoẻ ban đầu (CSSKBĐ) dựa trên cộng đồng, thông tin về sức khoẻ cho nhân dân nhằm làm cho họ có khả năng bảo vệ và tăng cường sức khoẻ cho bản thân. Xây dựng những chính sách y tế hoà hợp trong đó có sự tồn tại và phát triển các thành phần y tế (y tế nhà nước, tư nhân...), phân bổ hợp lý nguồn tài lực của nhà nước cho hệ thống chăm sóc sức khoẻ và kiểm soát sự phát triển của hệ thống y tế tư nhân để có hiệu quả tối đa cho việc tăng cường sức khoẻ nhân dân. Những hoạt động này phụ thuộc lẫn nhau. Tuy vậy, cũng phải chú ý rằng chính sách sẽ không có ý nghĩa nếu thiếu các hoạt động cụ thể trên thực tế, và ngược lại những hoạt động của cộng đồng có thể bị thất bại trong môi trường chính sách không thuận lợi trong đó không có các hoạt động hỗ trợ về kỹ thuật, tài chính và tổ chức. Do vậy, việc đào tạo vừa phải chú ý đến kỹ năng tư duy vừa phải chú ý đến các kỹ năng thực hành.

1.2. Tầm quan trọng của việc đào tạo sau đại học

Bộ Y tế đã có chương trình cử nhân YTCC, chương trình chi tiết đã được soạn thảo hoàn chỉnh. Như vậy không lâu nữa chúng ta sẽ có các cử nhân YTCC. Các cán bộ rất có kinh nghiệm hiện đang công tác tại các cơ sở y tế sẽ phải hướng dẫn trực tiếp nghề nghiệp cho các cử nhân YTCC mới tốt nghiệp này. Họ sẽ rất khó khăn hoàn

thành nhiệm vụ này nếu như không được đào tạo một cách có hệ thống về YTCC. Vì thế, việc tổ chức đào tạo sau đại học về YTCC tại Việt Nam cũng là một cách để Việt Nam có tiếng nói chung với các nước trong khu vực và trên thế giới về lĩnh vực YTCC.

Kết quả của những nghiên cứu đánh giá nhu cầu đào tạo đã cho thấy rằng hầu hết các cán bộ hiện đang công tác tại các khu vực dự phòng cũng như trong lĩnh vực quản lý ở khu vực duyên hải đều có nhu cầu được trang bị những kiến thức cơ bản trọn gói về YTCC sau đại học, bởi vì những kiến thức đó sẽ giúp họ làm việc dễ hơn, tốt hơn trong cơ chế thị trường. Do vị trí công tác của mình, nếu được trang bị các kiến thức mới về YTCC, họ sẽ tác động tới toàn bộ hệ thống chăm sóc sức khỏe trong toàn quốc theo một hướng suy nghĩ mới YTCC.

II-GIỚI THIỆU NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

- Bậc học: Sau đại học
- Nhóm ngành nghề đào tạo: Y tế công cộng
- Chức danh sau khi tốt nghiệp: Chuyên khoa I
- Mã số đào tạo:
- Thời gian đào tạo: 2 năm (*tập trung*) hoặc 4 năm (*tại chức*)
- Hình thức đào tạo: Tập trung: 2 năm (*20 tháng*); Tại chức: 4 năm (*20 tháng*)
- Đối tượng tuyển sinh: Bác sĩ.
- Cơ sở đào tạo: Trường đại học Y Hải Phòng.
- Nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: các cơ sở y tế từ trung ương đến địa phương.
- Bậc học có thể tiếp tục: Chuyên khoa II, liên thông với cao học.

III. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

A- MỤC TIÊU TỔNG QUÁT:

Sau khi hoàn thành chương trình chuyên khoa I YTCC, học viên có thể ứng dụng các kiến thức cơ bản và phương pháp luận về YTCC, tổ chức quản lý y tế để giải quyết những vấn đề sức khỏe của cộng đồng.

B- MỤC TIÊU CỤ THỂ:

1. Phát hiện, phân tích và lựa chọn những vấn đề sức khỏe ưu tiên của cộng đồng.
2. Lập kế hoạch, tổ chức và điều hành các hoạt động y tế sức khỏe công cộng và quản lý nhà nước về y tế.
3. Giám sát, đánh giá các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.
4. Thiết kế và thực hiện các cuộc điều tra nghiên cứu khoa học theo các chương trình y tế quốc gia, địa phương.
5. Vận dụng đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước về đổi mới hoạt động và tổ chức của ngành y tế, phù hợp với những thay đổi của điều kiện kinh tế xã hội.
6. Tham mưu được cho các cấp chính quyền về xã hội hoá công việc chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe cho cộng đồng.

IV- MÔ TẢ NHIỆM VỤ

1. Thu thập các thông tin, chỉ số liên quan tới sức khỏe trong cộng đồng, khu vực.
2. Phát hiện các vấn đề sức khỏe và xác định ưu tiên.
3. Đề xuất các giải pháp thích hợp, cùng với các ban ngành, đoàn thể, cộng đồng để giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên.
4. Lập kế hoạch để giải quyết các vấn đề sức khỏe ưu tiên đã xác định.
5. Tổ chức thực hiện kế hoạch, dịch vụ y tế và sức khỏe ưu tiên.
6. Tham gia giải quyết các vấn đề về Vệ sinh Môi trường.
7. Phát hiện và chỉ đạo phòng chống dịch bệnh khi xảy ra.
8. Chỉ đạo, giám sát và tham gia giáo dục, vận động cộng đồng và các cấp chính quyền tự bảo vệ và bảo vệ sức khỏe của mình và cộng đồng.
9. Chỉ đạo, giám sát các dịch vụ y tế và thực hiện CSSKBD cho cộng đồng khu vực.

10. Tham gia thiết kế và thực hiện các cuộc điều tra, NCKH theo các chương trình y tế quốc gia và địa phương.

11. Báo cáo và làm cố vấn về vấn đề sức khỏe cộng đồng và khu vực với cấp trên và các cấp chính quyền.

12. Thực hiện các vấn đề Quản lý hành chính nhà nước về sức khỏe tại cơ sở.

V- THỜI GIAN, ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo:

- Hệ tập trung: 2 năm
- Hệ tại chức: 4 năm (học 20 tháng)
- Thi chứng chỉ: Không dưới 2 năm, không quá 5 năm.

2. Đối tượng:

- Các bác sĩ, thuộc biên chế nhà nước, có thâm niên công tác tối thiểu là 24 tháng do cơ quan cử đi học, tuổi đời không quá 45 đối với nữ và không quá 50 đối với nam có đủ tiêu chuẩn theo qui định của Bộ Y tế.
- Các đối tượng không ở trong biên chế nhà nước, có nguyện vọng học CKI YTCC, tự nguyện chấp nhận qui chế của Bộ Y tế và trả toàn bộ kinh phí đào tạo theo qui định chung.

3. Môn thi tuyển:

- Môn cơ sở: Dịch tễ học cơ bản
- Môn chuyên ngành: Tổ chức quản lý y tế

4. Hình thức đào tạo:

Chuyên khoa I YTCC đào tạo tập trung 2 năm và tại chức 4 năm.

4.1. Các môn học cơ bản:

- Tin học
- Triết học
- Phương pháp NCKH
- Phương pháp sư phạm y học
- Ngoại ngữ chuyên ngành

4.2. Các môn học cơ sở:

- Dịch tễ học

- Xã hội học sức khỏe

4.3. Các môn hỗ trợ:

- Thống kê sinh học
- Dân số học

4.4. Các môn chuyên ngành/ Thực hành chuyên ngành:

- Quản lý y tế
- Kinh tế y tế
- Khoa học hành vi và giáo dục sức khỏe
- Sức khỏe môi trường/Y học lao động
- Bảo vệ bà mẹ trẻ em (sức khỏe sinh sản)
- Bệnh nhiệt đới/mãn tính/chấn thương (phòng ngừa bệnh tật)
- Phục hồi chức năng
- Dinh dưỡng

4.5. Các môn tự chọn- Chương trình y tế quốc gia

- Quản lý bệnh viện
- Quản lý dược
- Chương trình chống lao/ARI
- Chương trình phòng chống sốt rét
- Chương trình phòng chống bấu cổ
- Chương trình không chế các bệnh tiêu chảy
- Chương trình thuốc thiết yếu
- Chương trình phòng chống HIV/AIDS...

VIII. BẢNG PHÂN BỐ TỔNG QUÁT CÁC MÔN HỌC THEO HỌC KỲ TRONG TOÀN KHOÁ

Stt	Mã số	Môn học	Học kỳ			
			I	II	III	IV
1	100.01	Triết học	6(90)			
2	101.01	Tin học	4(63)			
3	104.01	Ngoại ngữ chuyên ngành	6(90)	10 (150)		
6	105.01.18	Dịch tễ học	5(105)			
8	106.01.36	Thống kê y học	4(60)			
10	107.01.36	Quản lý y tế	4(90)			
11	107.03.71	Kinh tế y tế		4(60)		
12	107.04.27	Khoa học hành vi/GDSK		4(90)		
13	107.05.17	Sức khỏe môi trường/YHLĐ		4(60)		
14	107.06.48	Bảo vệ SKBMTE (SKSS)		4(60)		
15	107.07.34	Bệnh nhiệt đới/Mãn tính/Cấp tính		4(60)		
17	107.09.74	Dinh dưỡng		4(62)		
19	107.11.48	Các môn tự chọn 1. Quản lý Dược 2. Quản lý bệnh viện		4(60)		
21	Luận văn			20		
Tổng cộng			81			

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG : CHUYÊN KHOA I Y TẾ CÔNG CỘNG**1. Các môn học chung**

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT/%	Phân bố ĐVHT/ %	
			LT(n/%)	TH(n/%)
1	Triết học	6/6	6/6	0
2	Ngoại ngữ chuyên ngành	10/10	10/10	0
3	Tin học	4/4	2/2	2/2
	Tổng	20/20	18/18	2/2

2. Các môn cơ sở và hỗ trợ:

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT/%	Phân bố ĐVHT/ %	
			LT(n/%)	TH(n/%)
1	Dịch tễ học	5/6,1	3/3,7	2/2,4
	Tổng	5/6,1	3/3,7	2/2,4

3. Các môn chuyên ngành:

STT	Tên môn học	Tổng số ĐVHT	Phân bố ĐVHT/%	
			LT(n/%)	TH(n/%)
1	Thống kê y học	4/4,9	2/2,4	2/2,4
2	Quản lý y tế	4/4,9	2/2,4	2/2,4
3	Kinh tế y tế	4/4,9	2/2,4	2/2,4
4	Khoa học hành vi/GDSK	4/4,9	2/2,4	2/2,4
5	Sức khỏe môi trường/YHLĐ	4/4,9	2/2,4	2/2,4
6	Bảo vệ SKBMTE (SKSS)	4/4,9	4/4,9	0
7	Bệnh nhiệt đới/Mãn tính/Cấp tính	4/4,9	2/2,4	2/2,4
8	Dinh dưỡng	4/4,9	2/2,4	2/2,4
9	Các môn tự chọn	4/4,9	2/2,4	2/2,4

	3. Quản lý Dược 4. Quản lý bệnh viện			
	Tổng	61/74,4	41/50,0	20/24,4
14	Luận văn	21/25,6	0/0	21/25,6
Tổng cộng		82/100	41/50	41/50

MÔ TẢ THI TỐT NGHIỆP

- Thời gian làm luận văn: Tương đương với 15 ĐVHT
- Thời gian thi: 1 tuần
- Hình thức thi: Bảo vệ luận văn
- Điều kiện để bảo vệ luận văn: Các môn học trong toàn khoá đạt kết quả từ 5 điểm trở lên
- Môn thi tốt nghiệp:
 - Bảo vệ luận văn
 - Ngoại ngữ trình độ B (do nhà trường tổ chức thi)
- Cấu trúc hội đồng:

Từ 5-7 thành viên có học hàm, học vị theo qui định của Bộ Y tế, trong đó có 1/3 thành viên hội đồng là người ngoài trường.

X. CƠ SỞ THỰC HÀNH CHỦ YẾU

- Các tuyến y tế: tỉnh, huyện, xã, xí nghiệp.
- Các labo của trường, trung tâm y tế dự phòng Hải Phòng.
- Các bệnh viện tỉnh và huyện
- Thực tập cộng đồng tại xã, phường, trung tâm y tế huyện.

XI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Thực hiện đầy đủ các học phần qui định là 120 ĐVHT.
- Chương trình chi tiết có thể thay đổi 10-20% do Hiệu trưởng trường quyết định.
- Các phần y học đặc thù và các Module tự chọn tùy theo từng vùng, từng trường, từng giai đoạn cụ thể do Hiệu trưởng cơ sở đào tạo quyết định.
- Việc tổ chức dạy học của hệ tại chức khác hệ tập trung xong phải bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu và nội dung chương trình chung.
- Với YTCC nên tổ chức Dạy/Học “theo vấn đề”, “lồng ghép”, “giải quyết vấn đề”.
- Việc đánh giá nên có những bài tập lớn phù hợp với “giải quyết vấn đề”.

A. CÁC MÔN HỌC CHUNG

TÊN MÔN HỌC: TRIẾT HỌC

1. Số ĐVHT: 6 ĐVHT

2. Số tiết học: 90 tiết

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Chứng chỉ : 1

5. Mục tiêu môn học: Sau khi kết thúc khoá học học viên có khả năng:

5.1. Trình bày được những nội dung cơ bản của triết học.

5.2. Vận dụng có hiệu quả vào chuyên ngành của mình.

6. Nội dung:

STT	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thảo luận (tiết)	Tổng số (tiết)
1	Chương 1: Khái luận về triết học <i>Phần 1:</i> Triết học là gì ? <i>Phần 2 :</i> Triết học phương Đông và Triết học phương Tây	16	4	20
2	Chương 2 : Triết học Mác – Lênin <i>Phần 1 :</i> Sự ra đời của Triết học Mác – Lênin <i>Phần 2 :</i> Chủ nghĩa duy vật biện chứng <i>Phần 3 :</i> Phép biện chứng duy vật <i>Phần 4 :</i> Chủ nghĩa duy vật lịch sử <i>Phần 5 :</i> Triết học Mác – Lênin trong giai đoạn hiện nay	30	15	45
3	Chương 3 : Mối quan hệ giữa Triết học và các khoa học <i>Phần 1 :</i> Mối quan hệ giữa khoa học và Triết học <i>Phần 2 :</i> Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học đối với sự phát triển của khoa học	7	3	10
4	Chương 4 : Vai trò của khoa học công nghệ trong sự phát triển xã hội <i>Phần 1 :</i> Ý thức khoa học <i>Phần 2 :</i> Khoa học công nghệ - động lực của sự phát triển xã hội <i>Phần 3 :</i> Khoa học công nghệ ở Việt nam	10	5	15
5	Tổng	63 tiết	27 tiết	90 tiết

7. Phương pháp dạy học:

1. Thuyết trình

2. Thảo luận nhóm
3. Tự nghiên cứu

8. Phương pháp đánh giá:

1. Kiểm tra theo đơn vị học trình
2. Tiểu luận: 02 tiểu luận (Lịch sử triết học và các nguyên lý Mác-Lênin).
3. Thi chứng chỉ: Viết cải tiến.

9. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy

Bộ môn triết học Mác - Lê nin trường Đại học Y Hải Phòng

10. Cán bộ giảng dạy:

1. ThS-GVC. Đào Nguyên Hùng - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
2. ThS-GVC. Hoàng Minh Hường - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.
3. ThS-GVC-. Nguyễn Tiến Trường - Bộ môn Mác-Lênin ĐHYHP.

11. Tài liệu giảng dạy:

- Giáo trình triết học: Dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học, Chính trị Quốc gia, 2007
- Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và X.
- Triết học Mác Lênin – Hội đồng lý luận TW –NXB chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- | | | |
|---------------------------|-------|--------|
| 1. Số đơn vị học trình: 4 | LT: 2 | TH: 2 |
| 2. Số tiết học: 60 | LT:30 | TH: 30 |
| 3. Số lần kiểm tra: 1 | | |
| 4. Số chứng chỉ: 1 | | |

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng
- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung
- ThS. Đào Thu Hằng

MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng Bác sĩ chuyên khoa cấp I (CK I) gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai **hoặc** nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố,

So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến.

Tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số *K*, *F*, *P* hệ số *Sperman*, Hệ số *Pearson*,...

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, công thức tính cỡ mẫu, tính cỡ mẫu trên máy tính	2	2
2	Xây dựng cấu trúc dữ liệu, sai số thô, nhiễu và các kỹ thuật làm sạch số liệu.	2	2
3	Nhập dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu: Bổ xung, xóa, sắp xếp, tìm kiếm, mã hóa	2	2
4	Các tham số quần thể, tham số mẫu, tính các tham số đặc trưng mẫu. Ý nghĩa các tham số đặc trưng	2	2
5	Các bài toán ước lượng: Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> .	2	2
6	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai.	2	2
7	Thống kê phi tham số: So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính.	3	3

8	Một số kiểm định phi tham số khác: Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, kiểm định đoạn mạch.	3	3
9	Tương quan tuyến tính đơn biến, hệ số tương quan tuyến tính, kiểm định mức độ tương quan. Đường hồi quy.	3	3
10	Tương quan đa biến. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan Q , hệ số tương quan F .	3	3
12	Liên quan giữa các đại lượng có thứ bậc, hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập.	3	3

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp. Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Sử dụng máy tính và phần mềm SPSS để xử lý số liệu.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2013.

Tài liệu tham khảo:

1. *Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học)*, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
2. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.
3. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.
4. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phần phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường, bảng, phấn, máy tính của học viên, máy chiếu.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành: 1 bài

Thi hết học phần: 1 bài

1. Số đơn vị học trình: 10 LT:10 TH: 0

2. Số tiết học: 150 LT:150 TH: 0

3. Số lần kiểm tra: 2

4. Số chứng chỉ: 1

1. Mục tiêu học phần

- Sinh viên sử dụng được ngữ pháp và vốn từ vựng của trình độ tương đương B1 theo Khung Châu Âu chung.
- Sinh viên giao tiếp được bằng ngoại ngữ tương đương B1 với bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.
- Sinh viên sử dụng Ngoại ngữ để đọc hiểu và tra cứu được các tài liệu chuyên ngành Y
- Sinh viên sử dụng được một số cấu trúc ngữ pháp và từ vựng cơ bản, thường gặp trong y văn.

2. Mô tả học phần:

Học phần được chia làm 2 giai đoạn:

_ Giai đoạn 1 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên thực hành các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết với trình độ tương đương B1 theo khung Châu Âu. Sinh viên học từ vựng, ngữ pháp, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết theo định hướng của các bài thi lấy chứng chỉ B1.

_ Giai đoạn 2 (tương ứng với 05 đơn vị học trình, tức 75 tiết): Sinh viên được cung cấp từ vựng chuyên ngành và ngữ pháp thường gặp trong văn phong khoa học và các tài liệu chuyên ngành y.

3. Nội dung chi tiết:

10.1. Giai đoạn 1 (05 đơn vị học trình – 75 tiết)

STT	Tên bài	Số tiết
1	Unit1. Present tenses + Speaking	4
2	Unit 2. Past tenses + Speaking	4
3	Unit 4. Present perfect simple, present perfect continuous	4
4	Unit 5. Past perfect simple, past perfect continuous	4
5	Unit 7. Future time + Speaking	4
6	Unit 8. Preposition of time and place + Speaking	4
7	Unit 10. The passive 1	4
8	Unit 11. The passive 2	4
9	Revision	4
10	Vocabulary: Parts of the body + Body movement	4
11	Vocabulary: The senses + Feeling ill	4
12	Vocabulary: Injuries + At the doctor's	4
13	Vocabulary: In hospital + Reading: Stress	4
14	Reading: Drug abuse + Heart disease	4

15	Reading: Nutrition + Pregnancy	4
16	Group Presentation 1	4
17	Group Presentation 2	4
18	Group Presentation 3	4
19	Revision	3

75

10.2. Giai đoạn 2 (05 đơn vị học trình – 75 tiết):

STT	Tên bài	Số tiết
1	Unit 1. Shapes and Properties	4
2	Unit 2. Location	8
3	Unit 3. Structure	4
4	Unit 4. Revision A	4
5	Unit 5. Measurement	4
6	Unit 6. Function	8

STT	Tên bài	Số tiết
7	Unit 7. Actions in sequence	4
8	Unit 8. Revision B + Midterm Test	4
9	Unit 9. Quantity	4
10	Unit 10. Cause and Effect	8
11	Unit 11. Proportion	4
12	Unit 12. Revision C	4
13	Unit 13. Frequency and Probability	8
14	Unit 14. Method	4
15	Unit 15. Consolidation	3

75

4. Phương pháp dạy học:

- _ Thuyết trình, phát vấn
- _ Làm việc theo cặp/nhóm, thảo luận, đóng vai.

5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy:

- _ Phấn, bảng hoặc projector (power point),
- _ Loa, đài, tài liệu phát tay, tranh ảnh minh họa.

6. Lượng giá:

13.1. Đánh giá ban đầu:

- Hình thức: Trao đổi, đặt ra một số câu hỏi để đánh giá trình độ ngoại ngữ của sinh viên trước khi bắt đầu học phần.

13.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình (Điều kiện dự thi hết học phần)

- Hình thức: Theo dõi thái độ, tác phong học tập của sinh viên. Đánh giá quá trình là điều kiện dự thi hết học phần.
- Điểm chuyên cần: được đánh giá dựa trên số buổi đi học và thái độ học tập tích cực trên lớp
- 01 bài kiểm tra giữa kỳ. Sinh viên đạt điểm kiểm tra giữa kỳ từ 5 trở lên mới được dự thi đánh giá cuối kỳ.
- Kết hợp điểm chuyên cần và Bài kiểm tra giữa kỳ là tiêu chí để xét Tư cách Sinh viên được dự thi đánh giá cuối kỳ.

13.3. Kiểm tra – đánh giá cuối kỳ

- _ 01 bài thi Nói hết học phần.
- _ 01 bài thi Viết hết học phần.
- Thi viết: Dạng bài thi viết tự luận 120 phút
- _ Trung bình cộng của Điểm thi Viết và thi Nói sẽ là điểm thi kết thúc học phần.

7. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

8. Cán bộ tham gia giảng dạy:

- + GV Ths. Trần Thị Hòa
- + GV Ths. Đào Thị Mỹ Hạnh
- + GV Ths. Đồng Quỳnh Trang
- + GV Ths. Nguyễn Ngọc Toàn

9. Tài liệu học tập:

Giai đoạn 1: Tài liệu luyện thi B1 Châu Âu: Destination B1 – Grammar and Vocabulary. Macmillan Press.

Giai đoạn 2: Giáo trình English for Medical students (Centre of Human Resources for Health – Ministry of Health)

1. Số đơn vị học trình: 4

LT: 2

TH: 2

2. Số tiết học: 60

LT:30

TH: 30

3. Số lần kiểm tra: 1

4. Số chứng chỉ: 1

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học - Đại học Y Dược Hải Phòng.

CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng

- ThS. Nguyễn Thị Hạnh Dung

- ThS. Đào Thu Hằng

MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Toán tin ứng dụng dành cho đối tượng Bác sĩ chuyên khoa cấp I (CK I) gồm 4 đơn vị học trình (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm, có ứng dụng máy tính để xử lý số liệu dựa phần mềm thống kê SPSS.

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Thiết kế cơ sở dữ liệu nghiên cứu. Kiểm tra tính toàn vẹn dữ liệu. Khử sai số và nhiễu.

Thống kê mô tả: Các tham số đặc trưng của tổng thể và mẫu.

Ước lượng trung bình, phương sai, *OR*, *RR*, hệ số tương quan tuyến tính,...

Kiểm định giả thiết thống kê: So sánh hai **hoặc** nhiều kỳ vọng, *ANOVA* một nhân tố, *ANOVA* hai nhân tố,

So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra tính độc lập của hai dấu hiệu theo phương pháp *Chi Square*,...

Các tiêu chuẩn kiểm định phi tham số: Tiêu chuẩn *Kolmogorov*, kiểm định theo dấu,...

Tương quan đa biến: Hệ số tương quan đa biến.

Tương quan riêng, phương pháp tìm đường hồi quy đa biến...

Tương quan giữa các biến định tính: Hệ số *K*, *F*, *P* hệ số *Sperman*, Hệ số *Pearson*,...

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Toán thống kê cơ bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Vận dụng phần mềm để xử lý số liệu nghiên cứu y học trên máy vi tính.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Mẫu, các tham số đặc trưng của mẫu, công thức tính cỡ mẫu, tính cỡ mẫu trên máy tính	2	2
2	Xây dựng cấu trúc dữ liệu, sai số thô, nhiễu và các kỹ thuật làm sạch số liệu.	2	2
3	Nhập dữ liệu, các thao tác trên dữ liệu: Bổ xung, xóa, sắp xếp, tìm kiếm, mã hóa	2	2
4	Các tham số quần thể, tham số mẫu, tính các tham số đặc trưng mẫu. Ý nghĩa các tham số đặc trưng	2	2
5	Các bài toán ước lượng: Ước lượng trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> .	2	2
6	Kiểm định giả thiết thông kê: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai.	2	2
7	Thống kê phi tham số: So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính.	3	3

8	Một số kiểm định phi tham số khác: Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, kiểm định đoạn mạch.	3	3
9	Tương quan tuyến tính đơn biến, hệ số tương quan tuyến tính, kiểm định mức độ tương quan. Đường hồi quy.	3	3
10	Tương quan đa biến. Lập đường hồi quy đa biến trên máy tính.	3	3
11	Tương quan giữa các biến định tính. Hệ số tương quan Q , hệ số tương quan F .	3	3
12	Liên quan giữa các đại lượng có thứ bậc, hệ số tương quan hạng <i>Sperman</i> , hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Kiểm định tương quan theo, kiểm định sự độc lập.	3	3

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Giáo viên Thuyết trình, vấn đáp. Học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Sử dụng máy tính và phần mềm *SPSS* để xử lý số liệu.

7. TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Bài giảng môn Toán tin ứng dụng, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2013.

Tài liệu tham khảo:

5. *Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học)*, Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2015.
6. Lê Cự Linh, *Thống kê y tế công cộng (Phần thống kê cơ bản)*, NXB Y học, 2009.
7. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.

8. Phạm Việt Cường, *Thống kê y tế công cộng (Phân phân tích số liệu)*, NXB Y học, 2009.

10.CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường, bảng, phấn, máy tính của học viên, máy chiếu.

11.PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Kiểm tra thực hành: 1 bài

Thi hết học phần: 1bài

B. MÔN CƠ SỞ

DỊCH TỄ HỌC CƠ SỞ

1. MÃ SỐ:

2. Tên học phần: Dịch tễ học cơ sở

3. Số ĐVHT: 5 (3/2)

4. Chuyên ngành đào tạo: BS chuyên khoa 1 Y tế công cộng

5. Đơn vị phụ trách: BM Dịch tễ học - Khoa Y tế công cộng - Trường đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng
2. TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng
3. TS. Phạm Minh Khuê, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng
4. ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng.
5. ThS. Hoàng Thị Hoa Lê, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐHYD Hải Phòng

6. Mục tiêu học phần:

Sau khi học xong phần này học viên có khả năng:

- 6.1. Trình bày được các nguyên lý và phương pháp dịch tễ học trong việc phát triển và mô tả các vấn đề sức khỏe của cộng đồng.
- 6.2. Lựa chọn được các thiết kế nghiên cứu thích hợp trong việc xác định yếu tố nguy cơ đối với sức khỏe của cộng đồng.
- 6.3. Lựa chọn được các phương pháp thích hợp trong việc đánh giá hiệu quả của các biện pháp can thiệp.
- 6.4. Phân tích được tính tin cậy và giá trị của các kết quả nghiên cứu khoa học.

7. Mô tả học phần:

Học phần môn Dịch tễ học cơ sở sẽ cung cấp các nội dung chủ yếu của dịch tễ học liên quan tới các hoạt động quản lý trong hệ thống y tế nhà nước. Trong đó bao gồm các nội dung chính sau:

- Hoàn thành được một nội dung về thu thập các thông tin về một vấn đề dịch vụ y tế công cộng.
- Hoàn thành được thiết kế đánh giá chương trình can thiệp y tế
- Phân tích được kết quả/chất lượng một hoạt động dịch vụ y tế công cộng.
- Phân tích được một nguyên nhân sức khỏe công cộng
- Xây dựng được một chương trình sàng tuyển phát hiện sớm bệnh trong cộng đồng.

8. Phân bố thời gian:

Học phần này gồm 05 ĐVHT (3 LT /2 TH). Việc tổ chức học viên học tập bao gồm hai hoạt động chính: Thuyết trình và thảo luận nhóm để giải quyết các vấn đề như đã mô tả ở học phần.

9. Điều kiện và yêu cầu của học phần.

Học viên cần được trang bị các kiến thức của các môn học trước khi học học phần này như:

- Đã được học chương trình vi sinh vật y học (chương trình BS hệ chính quy); được học các kỹ thuật xét nghiệm vi sinh vật y học, ký sinh trùng y học
- Đã học xong môn học thống kê y học
- Đã học qua một số môn lâm sàng như: bệnh học truyền nhiễm
- Đã học qua môn sinh thái học, môi trường sức khỏe

10.Nội dung học phần

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Các khái niệm thường dùng trong dịch tễ học, nhiệm vụ, mục tiêu của dịch tễ học	5	0
2	Đo lường mắc bệnh và tử vong	4	8
3	Các thiết kế nghiên cứu dịch tễ học - Nghiên cứu mô tả - Nghiên cứu bệnh chứng - Nghiên cứu thuần tập - Nghiên cứu can thiệp	4 4 4 4	0 8 8 0
4	Sàng tuyển phát hiện sớm bệnh	4	8
5	Đo lường sự kết hợp	4	8
6	Kết hợp thống kê và quan hệ nhân quả	4	8
7	Phương pháp nghiên cứu trên mẫu	4	8
8	Sai số trong nghiên cứu dịch tễ học	4	4
	Tổng	45	60

Phương pháp giảng dạy:

- Thuyết trình
- Thảo luận nhóm

11.Phương tiện và vật liệu giảng dạy:

- Máy chiếu Projector
- Bài tập tình huống

12.Đánh giá:

- Số lần kiểm tra: 02 lần (kiểm tra giữa học phần) - hình thức kiểm tra: viết
- Số bài thi hết môn học: 01 (sau khi kết thúc môn học - theo lịch nhà trường)
- Hình thức thi hết môn học: thi viết hoặc viết chuyên đề

- Cách tính điểm học phần: $KT1 \times 0.2 + GK \times 0.3 + Thi \times 0.5$

13. Tài liệu học tập và tham khảo

13.1. Tài liệu học tập

- Tài liệu phát tay của Bộ môn Dịch tễ học, Khoa Y tế công cộng , trường Đại học Y Dược Hải Phòng.
- Trường đại học Y Dược Hải Phòng, Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội 2014.

13.2. Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y tế công cộng (2011), Dịch tễ học, NXB Y học, Hà Nội 2011

C. MÔN HỖ TRỢ

MÔN: THỐNG KÊ Y HỌC

Tên học phần: **Thống kê y học**

Trình độ đào tạo: **Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 Y tế công cộng**

Số đơn vị học trình: 04 Lý thuyết: 02 Thực hành: 02

Số tiết: 60 Lý thuyết: 30 Thực hành: 30

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán học – Đại học Y Dược Hải Phòng.

CÁN BỘ GIẢNG DẠY

- ThS. Nguyễn Tiến Thắng

- ThS. Đào Thu Hằng

MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần Thống kê Y học dành cho đối tượng BS chuyên khoa cấp 1 YTCC gồm 4 ĐVHT (2 ĐVHT lý thuyết và 2 ĐVHT thực hành).

Các tiết học lý thuyết được thực hiện trên giảng đường theo phương pháp thuyết trình, vấn đáp. Các tiết học thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân, theo nhóm,...

Mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Bài toán ước lượng tham số của tổng thể: Ước lượng điểm, ước lượng khoảng, ước lượng không chệch, vững, hiệu quả. Ước lượng hợp lý cực đại,...

Các bài toán ước lượng tham số cơ bản: Ước lượng kỳ vọng toán học, ước lượng hiệu hai kỳ vọng, ước lượng phương sai, ước lượng OR , RR ,...

Các bài toán kiểm định cơ bản: So sánh hai kỳ vọng, so sánh phương sai, kiểm định chuẩn và hàm chuẩn, so sánh đồng thời nhiều kỳ vọng toán học, so sánh tỷ lệ, kiểm định tính độc lập bằng phương pháp Chi Square,...

Tương quan tuyến tính hai biến: Hệ số tương quan, đường hồi quy tuyến tính, kiểm định.

Tương quan đa biến tuyến tính: Hệ số tương quan bội, hệ số tương quan riêng.

Tương quan giữa các dấu hiệu định tính: Hệ số *Kappa*, cá hệ số tương quan *Pearson*, hệ số *Kramer*, hệ số *Spearman*...

MỤC TIÊU HỌC PHẦN

Sau khi học xong học phần, học viên có thể hiểu được một số phương pháp Thống kê y học căn bản và nâng cao trong xử lý số liệu nghiên cứu y học.

Xử lý được số liệu nghiên cứu, số liệu thống kê y học.

Tăng cường khả năng tư duy và khả năng làm việc theo nhóm.

NỘI DUNG HỌC PHẦN

STT	Chủ đề hoặc bài học	Số tiết	
		LT	TH
1	Tổng thể và mẫu, các quy tắc chọn mẫu.	2	2
2	Các sai số trong nghiên cứu: Sai số thô, sai số hệ thống và sai số ngẫu nhiên.	2	2
3	Các tham số của quần thể. Các tham số của mẫu: Trung bình mẫu, phương sai mẫu, phân phối mẫu, tổ chức đồ tần suất. Ý nghĩa các tham số.	2	2
4	Các loại ước lượng cơ bản: Ước lượng không chệch, vững, hiệu quả. Một số ước lượng của các tham số cơ bản.	2	2
5	Ước lượng trung bình, hiệu 2 trung bình, phương sai, ước lượng xác suất, <i>OR</i> , <i>RR</i> trong nghiên cứu y học.	2	2
6	Bài toán kiểm định giả thiết thống kê: Giả thiết và đối thiết, các sai lầm trong kiểm định.	2	2

	Sơ đồ kiểm định một giả thiết, nguyên lý xác suất nhỏ.		
7	Bài toán so sánh hai kỳ vọng toán học, so sánh phương sai. So sánh nhiều kỳ vọng bằng phương pháp <i>ANOVA one way</i> , <i>ANOVA two way</i> .	2	2
8	So sánh hai hoặc nhiều tỷ lệ, kiểm tra độc lập giữa các dấu hiệu định tính. Kiểm định chuẩn. Cách xử lý khi dữ liệu không tuân theo luật chuẩn.	3	3
9	Tiêu chuẩn <i>Kolmogorov</i> , Kiểm định theo dấu, Kiểm định <i>Wilcoxon</i> , kiểm định hạng theo dấu, kiểm định <i>đoạn mạch</i> , <i>Kruskal – Wallis</i> .	2	2
10	Tương quan tuyến tính: Hệ số tương quan tuyến tính, phương trình đường hồi quy tuyến tính.	3	3
11	Tương quan tuyến tính đa biến, ma trận tương quan, hệ số tương quan riêng.	2	2
12	Các phương pháp tìm đường hồi quy đa biến.	2	2
13	Tương quan giữa các biến định tính. Các hệ số tương quan giữa các biến định tính.	2	2
14	Hệ số tương quan hạng, hệ số tương quan theo <i>Kendall</i> . Hệ số tương đồng <i>Kappa</i> và ứng dụng.	2	2
TỔNG		30	30

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

Lý thuyết: Thuyết trình, vấn đáp, học viên tự nghiên cứu tài liệu.

Thực hành: Học viên tự làm bài tập theo cá nhân hoặc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên. Với những bài tập đã được giao trước về nhà, đến giờ thực hành học viên trình bày trước giáo viên để kiểm tra năng lực và tính chuyên cần.

31-35

TÀI LIỆU DẠY HỌC

Tài liệu học tập:

Giáo trình Lý thuyết xác suất và thống kê Y học (dùng cho học viên sau đại học), Bộ môn Toán - Đại học Y Dược Hải Phòng, 2014.

Tài liệu tham khảo:

1. *Bài tập Xác suất thống kê Y Dược*, Bộ môn Toán Tin học – Đại học Y Dược Hải Phòng, 2014.
2. Đặng Đức Hậu, *Xác suất thống kê*, NXB Giáo dục, 2010.
3. Đặng Hùng Thắng, *Thống kê và ứng dụng*, NXB Giáo dục, 2009.
4. Nguyễn Cao Văn, Trần Thái Ninh, *Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, NXB Giáo dục, 2002.

8. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO DẠY HỌC

Giảng đường có bảng, phấn; đảm bảo đầy đủ âm thanh, ánh sáng, bàn ghế phù hợp với số lượng học viên.

9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

Thi hết môn: 1 bài thi tự luận 90 – 120 phút.

D. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH

QUẢN LÝ VÀ CHÍNH SÁCH Y TẾ

1. Mã số:

2. Số đơn vị học trình: 4 LT: 2 TH: 2

3. Số tiết học: 90 LT: 30 TH: 60

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 1 Điểm môn học 1

5. Số chứng chỉ: 1

6. Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Khoa Y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy

- PGS. TS. Phạm Văn Hán (người chịu trách nhiệm)

- BS. CKII. Nguyễn Bá Dụng

- Ths. Trần Thị Bích Hồi

7. Mục tiêu học tập:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được lý thuyết tổ chức và hệ thống, phân tích mô hình hệ thống tổ chức ngành y tế từ trung ương đến cơ sở.

2. Trình bày được các nguyên lý cơ bản về quản lý y tế và thực hiện được việc lập kế hoạch, tổ chức điều hành, theo dõi, giám sát và đánh giá các nội dung chương trình y tế công cộng.

3. Áp dụng được các nội dung quản lý y tế cơ bản vào trong công tác của mình.

4. Ứng dụng được những nội dung cơ bản và phương pháp nghiên cứu để xây dựng, điều chỉnh và triển khai chính sách y tế tại địa phương

5. Trình bày được những nội dung cơ bản của luật bảo vệ sức khỏe nhân dân Việt Nam, luật khám chữa bệnh, luật bảo hiểm y tế. Vận dụng xem xét việc thực hiện các luật định về sức khỏe trong phạm vi công tác của mình.

8. Nội dung

	Số tiết LT	Số tiết TH
--	------------	------------

Phần I: Quản lý y tế			
1	Khái niệm về tổ chức, hệ thống và tổ chức ,hệ thống y tế. Tổ chức bộ máy y tế Việt Nam	03	08
2	Đại cương về quản lý và quản lý y tế.	02	00
3	Phân tích các vấn đề sức khỏe YTCC	02	04
4	Chọn vấn đề sức khỏe ưu tiên và xây dựng mục tiêu trong y tế công cộng	02	04
5	Kế hoạch và lập kế hoạch y tế.	02	02
6	Theo dõi, giám sát trong y tế công cộng.	02	08
7	Đánh giá một chương trình hoạt động YTCC.	02	08
8	Quản lý nhân lực và thông tin y tế.	02	08
9	Quản lý tài chính, tài sản và vật tư y tế.	02	00
10	Quản lý TTYT huyện và quản lý y tế cơ sở.	03	02
11	Người cán bộ quản lý lãnh đạo.	02	00
Phần II: Chính sách và luật pháp trong y tế.			
12	Xác định và xây dựng chính sách. Phân tích, đánh giá và điều chỉnh chính sách	03	08
13	Ứng dụng PPNC định lượng và định tính trong nghiên cứu chính sách YTCC.	00	04
14	Hệ thống chính sách y tế Việt Nam.	02	00
15	Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, luật khám chữa bệnh, luật BHYT...	03	00
	Tổng thời gian	30	60

9. Phương pháp giảng

1. Thuyết trình ngắn
2. Nghiên cứu trường hợp
3. Thảo luận nhóm

4. Bài tập

10. Phương pháp lượng giá:

1. Test trắc nghiệm
2. Bài tập lượng giá

11. Số chứng chỉ:

02 bài kiểm tra lý thuyết, 01 bài kiểm tra thực hành
01 bài thi kết thúc học phần

12. Tài liệu học tập :

Bài giảng quản lý và chính sách y tế

Tài liệu tham khảo

1. Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân và các điều lệ áp dụng luật / Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam. - Y học, 1991. - 105 tr.
2. Đỗ Nguyên Phương (1998). Một số vấn đề xây dựng ngành Y tế phát triển ở Việt Nam. Nhà xuất bản Y học. Hà Nội.
3. Từ điển Bách khoa Việt Nam, Hà Nội.1995.
4. Bộ Y Tế. Quản lý chất lượng bệnh viện, Nhà xuất bản y học 2009
5. Tập hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật về y tế 2009. - H. : Y học, 2010. - 1039 tr. ; 27 cm.
6. Bộ Y tế. Vụ pháp chế: Thông tin phổ biến giáo dục pháp luật về y tế, nhà xuất bản y học (ấn phẩm ra hàng quý)
 1. Quản lý y tế. Bộ Y tế - Tổ chức y tế Thế giới . Nhà xuất bản Y học. HN 2006
 2. Bài giảng quản lý và chính sách y tế: Dành cho đối tượng sau đại học / Trương Việt Dũng. - H. : Y học, 2002. – 319tr. ; 27 cm
 3. Trường Đại học Y Hà Nội, Bộ Môn Tổ chức Y tế . Bài giảng Quản lý và chính sách y tế (Dành cho học viên sau đại học). Nhà xuất bản Y học 2002.
 4. Xây dựng và triển khai các dự án y tế / Bộ y tế. Vụ khoa học và đào tạo. - H. : Y học, 2004. - 357tr. ; 19 cm
 5. Quản lý các chương trình y tế ở tuyến cơ sở / Bộ y tế - Vụ khoa học và đào tạo. - H. : Y học, 1990. - 210 tr. ; 19 cm
 6. Bộ Y tế, Vụ khoa học và Đào tạo (2006). Bài giảng Quản lý và Tổ chức Y tế. Nhà xuất bản Y học Hà Nội

Thời gian đào tạo: 4 Đơn vị học trình (2 LT/2TH)

Mục tiêu:

Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được những kiến thức cơ bản về kinh tế y tế.
2. Áp dụng được những kiến thức cơ bản về kinh tế y tế vào lĩnh vực hoạt động của mình.

Nội dung

STT	Tên chuyên đề, bài giảng	Đã giảng ở bậc đại học	
		Lý thuyết	Thực hành
<u>Phần I: Giới thiệu kinh tế và kinh tế y tế.</u>			
1	Giới thiệu kinh tế và kinh tế y tế.	4	8
<u>Phần II: Đánh giá kinh tế</u>			
2	Phân tích chi phí	4	8
3	Đo lường gánh nặng bệnh tật của cộng đồng.	4	8
4	Phân tích chi phí-hiệu quả	4	7
5	Phân tích chi phí - lợi ích	4	7
6	Phân tích chi phí thoả dụng	4	7
<u>Phần III: Tài chính y tế</u>			
7	Tài chính y tế	2	5
8	Bảo hiểm y tế	2	5
9	Phí khám chữa bệnh	2	5
	Tổng cộng	30	60

Phương pháp giảng

1. Thuyết trình ngắn
2. Nghiên cứu trường hợp
3. Thảo luận nhóm
4. Bài tập

Phương pháp lượng giá:

1. Test trắc nghiệm – Lượng giá cuối buổi
2. Bài tập tình huống - Lượng giá cuối buổi
3. Câu hỏi, bài tập – Lượng giá cuối đợt

Số chứng chỉ: 01 (01 lần thi)

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng dạy: Khoa Y tế công cộng, Trường đại học Y Hải Phòng

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Kim Chúc, Kinh tế Y tế và Bảo hiểm Y tế, Sách đào tạo BSDK, Vụ khoa học và Đào tạo - Bộ Y tế, NXB Y học, năm 2007.
2. Tài chính y tế từ góc độ gia đình và người sử dụng dịch vụ y tế, Dương Huy Liệu, Nguyễn Quang Ân, Nguyễn Hoàng Long, Sarah Bales, Nguyễn Văn Vững (2006).
3. Định hướng chính sách tài chính y tế tổng thể tại Việt Nam, Dương Huy Liệu, Nguyễn Hoàng Long (2007).
4. Các giải pháp chính sách y tế cho người nghèo, Dương Huy Liệu, Nguyễn Hoàng Long (2006).
5. Giáo trình cầu và nhu cầu chăm sóc sức khỏe. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên xb, 2015. - 214tr. ; 24cm
6. Giáo trình đại cương kinh tế y tế / Phạm Hồng Hải. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên, 2015. - 206tr. ; 24cm
7. Giáo trình thị trường cung ứng và dịch vụ chăm sóc sức khỏe / Phạm Hồng Hải. - Thái Nguyên : Đại học Thái Nguyên xb, 2015. - 310tr. ; 24cm
8. Analyse des couts dans les programmes de soins de santé primaires : Manuel de formation à l'usage des responsables de programmes / Creese, Andrew. - Genève : MS, 1995. - 158p. ; 19 cm

9. Analysis of hospital costs: a manual for managers / Donald S.Shepard. - Geneva :
World Health Organization, 2000. - 92p : 21 cm

1. Mã số:**2. Số chứng chỉ:** 01**3. Số ĐVHT:** 4 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2**4. Tổng số:** 60 tiết**5. Nội dung**

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Giới thiệu khoa học hành vi và mối quan hệ của nó với sức khỏe	2	
2	Những thói quen thuộc về hành vi và các lối sống	2	4
3	Kiểm soát hành vi sức khỏe cá nhân	2	4
4	Những tiến trình và những điều kiện của việc thay đổi hành vi	2	4
5	Lý thuyết và các mô hình về hành vi sức khỏe	2	
6	Những can thiệp cho sự thay đổi hành vi sức khỏe	2	4
7	Hệ thống CSSK và những thay đổi hành vi sức khỏe	2	4
8	Duy trì những nền nếp trong việc thay đổi hành vi sức khỏe	2	8
9	Lên chương trình can thiệp-thực hiện	4	8
10	Những kỹ năng để tiếp cận cộng đồng	4	8
11	Đánh giá các chương trình giáo dục sức khỏe	4	8
12	Truyền thông sức khỏe-phương pháp và công cụ	4	8
Tổng số		30	60

Phương pháp dạy học

1. Thuyết trình ngắn
2. Nghiên cứu trường hợp
3. Thảo luận nhóm, bài tập

6. Phương pháp đánh giá:

1. Test trắc nghiệm
2. Bài tập tình huống
3. Cách tính điểm học phần

Số lần kiểm tra: - Lí thuyết: 1 Thực hành : 1

Số lần thi hết môn: - Lí thuyết: 1 Thực hành : 1

7. Tài liệu học tập:

Bài giảng các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe và giáo dục sức khỏe

8. Tài liệu tham khảo :

1. Giáo dục sức khỏe, NXB Y học Hà Nội, Năm 2003
2. Sức khỏe lứa tuổi, NXB Y học Hà Nội, Năm 2004
3. Các kỹ năng giao tiếp trong y học, Dự án Việt Nam – Hà Lan, tài liệu dịch, Hà Nội, Năm 2006
4. Kế hoạch hành động của ngành y tế trong khuôn khổ chiến lược tăng trưởng toàn diện và xóa đói giảm nghèo , giai đoạn 2006-2010, NXB Y học, Hà Nội, năm 2007
5. Các giải pháp tài chính y tế cho người nghèo, chương trình hợp tác Việt Nam-Thụy Điển – Dự án thành phần chính sách y tế, NXB Y học, Hà Nội , Năm 2007
6. Đánh giá hiệu quả sử dụng dịch vụ y tế. Điều tra y tế Quốc gia 2001- 2002
NXB Y học, năm 2003

1. Mã số:

2. Số chứng chỉ: 01

3. Số ĐVHT: 6 Lý thuyết: 2 Thực hành: 2

4. Tổng số: 90 tiết

5. Nội dung

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Sức khoẻ môi trường Việt nam hiện tại và tương lai	1	
2	Lượng giá sức khoẻ môi trường	1	4
3	Ô nhiễm không khí	1	4
4	Vệ sinh thực phẩm	1	4
5	Quản lý chất thải rắn	2	4
6	Quản lý vật chủ, trung gian truyền bệnh	2	4
7	Những hoá chất cơ bản và độc chất	2	4
8	Nguồn nước	2	4
9	Quản lý thảm hoạ thiên nhiên	2	4
10	Dịch tễ học môi trường	4	8
11	Quản lý sức khoẻ môi trường	2	4
12	YHLĐ và ATLĐ trong chiến lược BVSKND	4	4
13	Các yếu tố tác hại nghề nghiệp phổ biến	2	4
14	Các bệnh nghề nghiệp và biện pháp phòng chống	2	4
15	Phòng chống các tai nạn lao động	2	4
Tổng số		30	60

6. Tài liệu học tập

1. Sức khoẻ nghề nghiệp. Đại học Y Hải Phòng. NXB Y học 2002 (Giáo trình sau đại học)

2 . Sức khỏe nghề nghiệp. Đại học Y Hải Phòng. NXB Y học 2012 (Giáo trình Bác sỹ y học dự phòng).

3. Bệnh nghề nghiệp, Tập 1,2 - NXB Y học 1992.

Tài liệu tham khảo:

1. Sức khỏe nghề nghiệp, Chủ biên: PGS.TS Bùi Thanh Tâm, ThS. Nguyễn Thụy Quỳnh, 2011

2. Sức khỏe Nghề nghiệp, Trường Đại học Y Hà Nội, 2012

3. Thực tập Sức Khỏe Nghề Nghiệp (Giáo trình đào tạo bác sỹ Y học dự phòng), Trường Đại học Y Hà Nội 2012.

4. Sức Khỏe Nghề Nghiệp (đào tạo Đại học và Chuyên khoa I Y tế cộng đồng), ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh, PGS.TS Bùi Thanh Tâm, 2008

5. Hướng dẫn chuẩn đoán và giám định bệnh da nghề nghiệp, TS. Nguyễn Văn Sơn, 2017

6. Y học môi trường và lao động, GS.TSKH. Nguyễn Mạnh Liên, 2006

7. Tóm tắt báo cáo: Hội nghị khoa học y học lao động toàn quốc lần thứ ba, Bộ Y tế, 1998

8. Sức khỏe nghề nghiệp (vệ sinh lao động) - Tập 2, GS.TS. Đào Ngọc Phong TS. Nguyễn Hữu Chính, 2002

9. Environmental and occupational medicine / Rom N. William. - Second edition. - Boston : Little, 1992. - 1493p. ; 21cm.

SỨC KHỎE SINH SẢN

Mã số:

Số ĐVHT: 4 LT: 4 TH: 0

Số tiết học: 60 LT: 60 TH: 0

Số lần kiểm tra 0 Thi hết môn 1 Điểm môn học 1

Số chứng chỉ: 1

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Sức khỏe môi trường - Khoa y tế công cộng - Trường Đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Dương Thị Hương, Khoa y tế công cộng, Trường Đại học Y Dược Hải Phòng (chịu trách nhiệm chính)
2. Phối hợp Giảng viên Bộ môn sản phụ khoa, Trường đại học y dược Hải Phòng

1. Mô tả học phần:

Học viên nắm được các kiến thức về sức khỏe sinh sản, các bệnh sản, phụ khoa có thể sàng lọc phát hiện sớm, quản lý bệnh tại cộng đồng

2. Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Trình bày được một số khái niệm cơ bản về sức khỏe sinh sản.
2. Trình bày được 10 nội dung cơ bản của sức khỏe sinh sản
3. Thực hiện được công tác thông tin - giáo dục - truyền thông và tư vấn về sức khỏe sinh sản trong chăm sóc sức khỏe ban đầu.
4. ứng dụng được các nội dung về sức khỏe sinh sản trong khi giải quyết các vấn đề của chăm sóc sức khỏe ban đầu
5. Đề ra được các giải pháp can thiệp đúng và có hiệu quả đối với các rối loạn tâm thần liên quan đến sức khỏe xã hội.

Mục tiêu kiến thức:

Phát hiện về sức khỏe sinh sản, sàng lọc phát hiện sớm và quản lý tại cộng đồng

Mục tiêu kỹ năng:

Thiết kế được một nghiên cứu phù hợp sàng lọc và can thiệp hiệu quả quản lý sức khỏe sinh sản tại cộng đồng

Mục tiêu thái độ:

Các bệnh sản và phụ khoa có thể dự phòng. Cần khám sàng lọc và phát hiện sớm bệnh và chăm sóc tại cộng đồng

3. Nội dung

STT	Tên bài giảng	Tiết
1	Những khái niệm cơ bản về sức khỏe sinh sản. -Định nghĩa SKSS, giới tính, giới, tình dục, quyền sinh sản -Các vấn đề nổi cộm về SKSS ở thế giới, vùng, Việt Nam.	8
2	Kế hoạch hoá gia đình và sức khỏe BMTE -Ưu nhược điểm của các BPTT -Các nguyên tắc chính của KHHGD -Lợi ích của KHHGD và SKBMTE -Mối quan hệ giữa tỷ lệ tử vong của BMTE và các yếu tố nguy cơ cao của tuổi mẹ, số lần sinh, khoảng cách sinh -So sánh nguy cơ tử vong do thai nghén và sinh đẻ với nguy cơ tử vong do dùng BPTT -Chất lượng các dịch vụ KHHGD	8
3	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ -Tình hình bệnh tật tử vong -Các yếu tố ảnh hưởng đến SKBM - Các chỉ số đo lường sức khỏe bà mẹ - Những vấn đề cần lưu ý khi chăm sóc bà mẹ mang thai, trước sinh, sau đẻ, sau nạo, sảy thai. - Hệ thống giám sát, quản lý SKBM - Chương trình quốc gia về CSSKBM	8
4	Chăm sóc sức khỏe trẻ em -Chẩn đoán, điều trị, phòng bệnh thông thường ở trẻ em. -Tình hình bệnh tật, tử vong ở trẻ < 1 tuổi và < 5 tuổi -Các yếu tố ảnh hưởng đến SKTE và dự phòng -Những vấn đề cần lưu ý khi chăm sóc trẻ sơ sinh đủ tháng, thiếu tháng. -Các chỉ số đo lường SKTE -Những vấn đề cần lưu ý trong GD-TT – tư vấn về CSSKTE -Hệ thống giám sát và chương trình QG về CSSKTE.	8
5	Sức khỏe sinh sản vị thành niên: -Tỷ lệ bệnh tật, tử vong -Các yếu tố ảnh hưởng đến SKSS vị thành niên -Các vấn đề nổi cộm về SKSS vị thành niên TG, vùng, Việt Nam.	6

	-Giáo dục giới tính, tình dục học -Chương trình quốc gia	
6	Sức khỏe sinh sản ở người cao tuổi: -Bệnh tăng huyết áp, loãng xương, ung thư (chẩn đoán, điều trị) -Tỷ lệ bệnh, tử vong ở người cao tuổi do bệnh lý về hệ thống sinh sản (mãn kinh, ung thư vú, ung thư CTC, tiền liệt tuyến), chẩn đoán sàng lọc. -Tình dục ở người cao tuổi -Dự phòng bệnh tật và nâng cao chất lượng sống ở người cao tuổi.	7
7	Các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và đường sinh sản: -Chẩn đoán và điều trị một số bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và sinh sản thường gặp -Tỷ lệ các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục và sinh sản -Nguyên nhân -Hậu quả sinh học, xã hội -Cách dự phòng (phân tích hiệu quả) -Chương trình quốc gia	8
8	Thực hành thông tin-giáo dục-truyền thông và tư vấn về SKSS: -Chiến lược TT- GD -TT về KHHGD - Đối tượng của TT - GD -TT và tư vấn SKSS -Các kênh và phương tiện của TT-GD-TT và tư vấn SKSS -Thực hành đóng vai về TT - GD -TT - tư vấn về SKSS	7
	Tổng cộng	60

Tài liệu học tập

- Tài liệu học tập môn sức khỏe lứa tuổi dành cho học viên sau đại học, Khoa y tế công cộng

- Sức khỏe lứa tuổi, Trường đại học y dược Hải Phòng, (giáo trình sau đại học)

Tài liệu tham khảo

1. Hướng dẫn quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản. - H. : Y học, 2009. - 504tr. ; 27cm.
2. Sức khỏe sinh sản / Vương Tiến Hòa. - H. : Y học, 2001. - 259tr. ; 21cm.
3. Sức khỏe sinh sản : dùng cho đào tạo cử nhân y tế công cộng. - H. : Giáo dục, 2008. - 147Tr. : 27cm.
4. Sức khỏe sinh sản của phụ nữ / Phạm Hồng Hà. - H. : Văn hoá thông tin, 2005. - 380tr. ; 19cm
5. Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản: Sách dành cho học viên. - H. : Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.

6. Tài liệu đào tạo hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản:đáp án (sách dành cho học viên). - H. : Bộ Y tế - Quỹ dân số LHQ, 2007. - 610 tr. ; 29cm.
7. Sức khỏe lứa tuổi, Trường đại học Y Hà Nội, (giáo trình sử dụng cho sinh viên đại học và sau đại học)

4. Phương pháp dạy học:

4.1. Phương pháp dạy/học : áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

4.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, máy tính, máy chiếu projector, máy chiếu Overhead, tủ an toàn sinh học, các vật liệu bảo hộ cá nhân, tủ hút hóa chất, các dụng cụ phòng xét nghiệm cơ bản.

5. Phương pháp đánh giá: thi viết

DỊCH TỄ HỌC CÁC BỆNH PHỔ BIẾN (BỆNH NHIỆT ĐỚI)

1. Mã số học phần:

2. Số đơn vị học trình: 4 (2/2)

3. Đơn vị phụ trách: BM Dịch tễ học - Khoa Y tế công cộng – Trường đại học Y Dược Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. PGS. TS. Phạm Văn Hán, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐH Y dược Hải Phòng
2. TS. Dương Thị Hương, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐH Y dược Hải Phòng
3. PGS. TS. Phạm Minh Khuê, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐH Y dược Hải Phòng
4. ThS. Nguyễn Thị Thanh Bình, Khoa Y tế công cộng, Trường ĐH Y dược Hải Phòng

4. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong phần này, học viên có khả năng:

4.1.Trình bày được các nguyên lý của quá trình truyền nhiễm, cơ chế truyền nhiễm; phân loại các bệnh truyền nhiễm, nguyên lý phòng chống dịch.

4.2.Trình bày được các biện pháp phòng chống những bệnh truyền nhiễm phổ biến.

4.3.Trình bày được những đặc điểm dịch tễ học của một số bệnh không lây phổ biến; các yếu tố nguy cơ của một số bệnh không lây phổ biến; phương pháp giám sát một số bệnh không lây phổ biến.

4.4.Trình bày được các chiến lược dự phòng một số bệnh không lây phổ biến.

5. Mô tả học phần:

Nội dung của môn học bao gồm: nguyên lý cơ bản của nhiễm trùng, truyền nhiễm và quá trình dịch; cơ chế truyền nhiễm, phân loại các bệnh truyền nhiễm và phòng chống dịch, tính miễn dịch, vắc xin trong tiêm chủng; đặc điểm dịch tễ học, quá trình dịch và các biện pháp phòng chống một số bệnh truyền nhiễm phổ biến; đặc điểm dịch tễ, yếu tố nguy cơ và biện pháp phòng chống các bệnh không lây phổ biến tại Việt Nam.

6. Phân bố thời gian: Học phần này bao gồm 1 tín chỉ lý thuyết, 1 tín chỉ thực hành.

Học viên sẽ học lý thuyết tại giảng đường, thực hành tại giảng đường và tại cộng đồng

7. Điều kiện và yêu cầu của học phần:

- Đã học dịch tễ học cơ bản.

8. Nội dung học phần

TT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Khái niệm nhiễm trùng và bệnh truyền nhiễm.	2	0
2	Quá trình dịch và các yếu tố ảnh hưởng	2	17
3	Nguyên lý phòng chống dịch	2	17

4	Điều tra và xử lý vụ dịch	2	17
5	Giám sát dịch tễ học	2	9
6	Các bệnh truyền nhiễm đường máu: Sốt xuất huyết, viêm não nhật bản.	4	0
7	Các bệnh truyền nhiễm đường hô hấp: Sởi, bạch hầu.	4	0
8	Các bệnh truyền nhiễm đường tiêu hoá: tả, thương hàn, lỵ, viêm gan A.	4	0
9	Các bệnh truyền nhiễm đường da và niêm mạc: HIV, viêm gan virus, các bệnh lây theo đường tình dục, nấm.	4	0
10	Dịch tễ học các bệnh không lây phổ biến	4	0
	Tổng cộng	30	60

9. Phương pháp giảng: Thuyết trình ngắn, thảo luận tại chỗ, thảo luận nhóm, thực hành cộng đồng.

10.Vật liệu giảng dạy: Máy chiếu, máy vi tính, phấn, bảng, tình huống và cơ sở thực hành

11.Đánh giá:

- Số bài kiểm tra: Điểm kiểm tra thường xuyên: Bài tập; điểm thi giữa kỳ hệ số 2: Kết quả thực hành; thi hết học phần: bản báo cáo về về chẩn đoán cộng đồng

12.Tài liệu học tập, tham khảo

Tài liệu học tập: tài liệu phát tay của bộ môn

Tài liệu tham khảo

- Trường Đại học Y Dược Hải Phòng, Dịch tễ học, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội. 2014.
- Tổ chức Y tế thế giới - Trường Đại học Y tế công cộng, Dịch tễ học cơ bản, WHO, 2009, Nhà xuất bản Y học, 2009.

- Vệ sinh môi trường dịch tễ tập 2, Bộ môn Vệ sinh Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học 1998.
- Vệ sinh dịch tễ tập 2, Bộ môn Vệ sinh Dịch tễ học, Trường Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học 1993.

DINH DƯỠNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

I. Hành chính

1. Mã số:

2. Số tín chỉ: 4 LT: 2 TH: 2

3. Số tiết học: 60 LT: 30 TH: 60

4. Số lần kiểm tra 2 Thi hết môn 1 Điểm môn học 1

5. Số chứng chỉ: 1

Bộ môn chịu trách nhiệm giảng: Bộ môn Dinh Dưỡng và an toàn thực phẩm, Khoa Y tế Công cộng, Đại học Y Hải Phòng

Cán bộ giảng dạy:

1. ThS. Nguyễn Thị Thắm, Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP, khoa YTCC
2. Ths. Nguyễn Thị Thùy Linh, Bộ môn Dinh dưỡng & ATTP, khoa YTCC

II. Mô tả học phần

Dinh dưỡng và thực phẩm có vai trò quan trọng với sức khỏe, bệnh tật và tuổi thọ của con người. Dinh dưỡng hợp lý và sử dụng thực phẩm an toàn giúp cho cá nhân, tập thể và cộng đồng có sức khỏe tốt, phòng bệnh, điều trị bệnh, nâng cao chất lượng cuộc sống, tuổi thọ, thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội. Ngược lại, sẽ tác động không tốt đến sức khỏe, mắc các bệnh có nguyên nhân dinh dưỡng và tăng nguy cơ mắc các bệnh liên quan đến dinh dưỡng và thực phẩm như: rối loạn chuyển hóa, bệnh tim mạch, ung thư, bệnh truyền qua thực phẩm, các ngộ độc cấp tính và mạn tính....

III. Mục tiêu học phần: Sau khi kết thúc khoá học, học viên có khả năng:

1. Nhận thức được tầm quan trọng của dinh dưỡng, vệ sinh thực phẩm với sức khỏe và bệnh tật của cộng đồng.
2. Trình bày được nguyên nhân, cách phát hiện và biện pháp phòng chống các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng
3. Thực hiện được các buổi truyền thông giáo dục sức khỏe của cộng đồng để phòng các bệnh có nguyên nhân, liên quan đến dinh dưỡng, ngộ độc thực phẩm

IV. Nội dung

STT	CHỦ ĐỀ/BÀI HỌC	LT	TH
1.	Dinh dưỡng và sức khỏe	2	
2.	Vai trò và nhu cầu các chất dinh dưỡng.	4	
3.	Giá trị dinh dưỡng và đặc điểm vệ sinh của các nhóm thức ăn	4	
4.	Các vấn đề dinh dưỡng có ý nghĩa sức khỏe cộng đồng	4	
5.	Chăm sóc dinh dưỡng ở cộng đồng	2	
6.	Giáo dục truyền thông dinh dưỡng	2	
7.	Các nguyên tắc trong dinh dưỡng điều trị	4	
8.	Ngộ độc thức ăn và biện pháp phòng chống	4	
9.	Vệ sinh ăn uống công cộng, vệ sinh chế biến bảo quản và chế biến một số loại thực phẩm	4	
10.	Nuôi con bằng sữa mẹ		8
11.	Sử dụng biểu đồ tăng trưởng		8
12.	Một số test nhanh kiểm tra nhà ăn công cộng		8
13.	Đánh giá khẩu phần ăn		12
14.	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng bằng chỉ tiêu nhân trắc.		8
15.	Thực hành chế độ ăn bổ sung		8
16.	Kiểm tra vệ sinh thực phẩm cơ sở sản xuất chế biến ăn uống 1 công cộng		8
	Tổng:	30	60

V. Tài liệu giảng dạy

- Trường Đại học Y Hải phòng. Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học (2012)

Tài liệu tham khảo:

- Trường Đại học Y Hà Nội, Dinh dưỡng và An toàn thực phẩm, Nhà xuất bản Y học, 2012
- Viện Dinh dưỡng. Giá trị dinh dưỡng 500 món ăn thông dụng, 2017

- Lê Thị Hợp, Hà Huy Khôi. Dinh dưỡng và tăng trưởng của người Việt Nam. Nhà xuất bản Y học. 2010.
- Hà Huy Khôi, Lê Thị Hợp. Phương pháp dịch tễ học dinh dưỡng. Nhà xuất bản Y học, 2012.
- Viện Dinh dưỡng. Tổng điều tra dinh dưỡng 2009 -2010. Nhà Xuất bản Y học, 2010
- Tình hình dinh dưỡng và chiến lược can thiệp ở Việt Nam, Viện Dinh dưỡng, 2007
- Một số vấn đề dinh dưỡng cộng đồng ở Việt Nam, GS. Hà Huy Khôi, 2006
- Nutrition surveillance 2010 Vietnam Nutrition Profile 2010, Viện dinh dưỡng, 2010
- Tạp chí dinh dưỡng và thực phẩm tập 13 số 2 tháng 5/2017, Hội Dinh dưỡng Việt Nam năm 2017

VI. Phương pháp dạy học:

6.1. Phương pháp dạy/học : Áp dụng phương pháp dạy /học tích cực, dạy học theo mục tiêu của môn học:

- Dạy /học theo mục tiêu của từng nội dung thuộc môn học.
- Một số nội dung giao cho học viên chuẩn bị bài trước dựa vào các tài liệu đã có, sau đó tổ chức thảo luận trên lớp.

6.2. Vật liệu để dạy/học: phấn, bảng, giấy A4, bút dạ, máy chiếu projector, các thanh công cụ

VII. Phương pháp đánh giá.

7.1. Hình thức kiểm tra và thi hết học phần:

1. Thi lý thuyết truyền thống.
2. Thi trắc nghiệm: Câu hỏi MCQ
3. Thi vấn đáp

QUẢN LÝ DƯỢC

- Mã số: 105.02.50

- Số chứng chỉ: 01

- Số ĐVHT: 4. Lý thuyết: 2; Thực hành: 2. Tổng số: 60 tiết

Tổng số ĐVHT: 4 Lý thuyết : 2 Thực hành: 2

Phân bố thời gian (tiết):30 Lý thuyết: 30 Thực hành: 60

Đối tượng sinh viên: Bác sĩ chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Y tế công cộng.

Bộ môn phụ trách giảng dạy: Khoa Dược học

Giảng viên phụ trách giảng dạy:

- PGS.TS Nguyễn Văn Hùng
- Ths.DS Phạm Văn Trường
- Ths.DS Nguyễn Thị Mai Loan

2. MÔ TẢ HỌC PHẦN

Học phần này sẽ cung cấp cho học viên những kiến thức cơ bản về Quản lý dược: Chương trình lý thuyết bao gồm những kiến thức cơ bản về chiến lược phát triển ngành Dược, phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý dược, nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất lượng thuốc, công tác thanh tra, kiểm tra, các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý thuốc. ... Qua đó học viên hiểu được các nội dung quản lý dược cơ bản, ... góp phần đảm bảo cung ứng và sử dụng thuốc hợp lý.

3. MỤC TIÊU HỌC PHẦN: Sau khi học xong môn này, học viên có khả năng:

3.1. Kiến thức

- Nêu được chiến lược phát triển ngành dược và Chính sách thuốc quốc gia của Việt Nam, các điều luật cơ bản về dược.
- Trình bày được nhu cầu thuốc và thuốc thiết yếu ở Việt Nam, ứng dụng cho các tuyến y tế.
- Nêu được các nội dung cơ bản trong quản lý dịch vụ dược tại cộng đồng, nhà thuốc, hiệu thuốc, quầy thuốc bán lẻ.
- Nêu được các nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất lượng thuốc, công tác thanh tra, kiểm tra.
- Nêu sơ lược về các phương pháp nghiên cứu khoa học trong quản lý dược, kinh tế dược, tài chính y tế, các chính sách, văn bản pháp qui về quản lý dược

3.2. Kỹ năng:

- Phân tích được chiến lược phát triển ngành dược và Chính sách thuốc quốc gia của Việt Nam, các điều luật cơ bản về dược.
- Phân tích được nhu cầu thuốc và thuốc thiết yếu ở Việt Nam, ứng dụng cho các tuyến y tế.
- Phân tích được các nội dung quản lý dược cơ bản.
- Phân tích được các nguyên tắc cơ bản trong quản lý chất lượng thuốc, công tác thanh tra, kiểm tra.

3.3.Thái độ:

- Hiểu đúng vai trò của quản lý dược....
- Hợp tác tốt với các bên liên quan trong thực thi nhiệm vụ

4.NỘI DUNG HỌC PHẦN

Chủ đề lý thuyết	Số giờ Lý thuyết	Số giờ Thực hành
<i>Lịch sử ngành y dược thế giới, VN</i>	2	
<i>Chiến lược PT ngành dược của Việt Nam</i>	2	
<i>Chính sách quốc gia về thuốc của Việt Nam</i>	4	
<i>Phương pháp NCKH quản lý dược</i>	4	
<i>Luật, qui chế và điều lệ dược</i>	2	
<i>Đảm bảo nhu cầu thuốc</i>	2	4
<i>Thuốc thiết yếu</i>	2	4
<i>Quản lý sử dụng thuốc</i>	2	12
<i>Dịch vụ dược cộng đồng</i>	2	16
<i>Thuốc và tài chính (tt 4 tiết)</i>	2	4
<i>Quản lý chất lượng thuốc (tt 8 tiết)</i>	2	8
<i>Quản lý thị trường thuốc (tt 8 tiết)</i>	2	8
<i>Kiểm tra, thanh tra dược</i>	2	4
Tổng số tiết	30	60

5.PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

5.1.Phương pháp dạy:

- Thuyết trình, hướng dẫn tự học
- Nghiên cứu trường hợp
- Thực tế cộng đồng: nhà thuốc, bệnh viện
- Thảo luận nhóm
- Bài tập tình huống

5.2. Phương pháp học và tự học

- Học viên lên lớp nghe giảng, tham gia trao đổi, thảo luận nhóm.

6. TÀI LIỆU DẠY VÀ HỌC

6.1. Tài liệu giảng dạy

- Một số chuyên đề dược lý lâm sàng, Tài liệu giảng dạy Sau đại học-Đại học Y Dược Hải Phòng 2014 (**File PDF**)
- Dược lý học lâm sàng - Đại học y Hà nội, Nhà xuất bản Y học 2012
- Brunton LL, Lazo JS, Parker KL (2006), *Goodman & Gilman's: The pharmacological basis of therapeutics*, McGraw-Hill, Inc, 11th edition.

6.3. Vật liệu giảng dạy.

- giáo trình, overhead, powerpoint.
- phấn, bút dạ.
- thuốc....

7. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Lý thuyết: Giảng đường có đủ trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy: máy chiếu, micro, loa, bảng phấn.
- Thực hành: phòng thực hành và trang thiết bị cho việc giảng dạy

8. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỌC PHẦN

8.1. Đánh giá ban đầu: hỏi học viên

8.2. Đánh giá trong quá trình học tập

- + Chuyên cần: tham gia học tập trên lớp và thực tập (đi học đầy đủ, chuẩn bị bài tốt).
- + Kiểm tra thường xuyên: câu hỏi ngắn.

8.3. Đánh giá kết thúc học phần

Sử dụng đánh giá ban đầu và đánh giá quá trình là điều kiện để dự thi kết thúc học phần.

- Thi kết thúc học phần thực tập: vấn đáp, đủ điều kiện thì được thi lý thuyết
- Học phần lý thuyết: tham dự $\geq 90\%$ số tiết của học phần, và có kết quả kiểm tra thực hành lần 1 hoặc lần 2 ≥ 5 điểm
- Thi kết thúc học phần :

Thi lý thuyết truyền thống.

Thi trắc nghiệm: Câu hỏi MCQ

Thi vấn đáp

QUẢN LÝ BỆNH VIỆN

- Mã số: 107.09.75

- Số chứng chỉ: 01

- Số ĐVHT: 4. Lý thuyết:2; Thực hành: 2. Tổng số: 90 tiết

STT	Nội dung	Số tiết	
		LT	TH
1	Những nhiệm vụ cấp bách của công tác khám chữa bệnh	2	4
2	Tổ chức bệnh viện	4	8
3	Quản lý công tác chuyên môn bệnh viện	4	8
4	Quản lý nguồn nhân lực bệnh viện	4	8
5	Quản lý tài chính bệnh viện	4	8
6	Quản lý cơ sở hạ tầng bệnh viện	4	8
7	Quản lý vật tư trang thiết bị bệnh viện	4	8
8	Y đức	2	4
9	Tổng kết, kiểm tra	2	4
Tổng số		30	60

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC:

- Thuyết trình ngắn
- Nghiên cứu tình huống
- Đóng vai
- Thảo luận nhóm
- Seminar-độc thoại

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ

- Trắc nghiệm, chấm tiểu luận, chấm báo cáo thu hoạch

GIẢNG VIÊN

- PGS.TSKH. Nguyễn Văn Hiếu-giảng viên kiêm chức
- PGS.TS. Nguyễn Lung- giảng viên kiêm chức

- BSCKII. Phạm Hy Nhu- giảng viên kiêm chức
- Th.S. Phạm Quốc Vinh- giảng viên kiêm chức
- TS. Phạm Văn Hán- giảng viên
- TS. Vũ Minh Hương- giảng viên
- Th.S. Hoàng Quốc Hợp- giảng viên

Ngoài ra còn có sự hỗ trợ của các giảng viên Khoa YTCC trường ĐHY Hà Nội.

NƠI GIẢNG DẠY: Trường Đại học Y Hải Phòng

Hải Phòng, ngày 06 tháng 5 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS. *Phạm Văn Chức*